

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2020/DS-PT

Ngày: 21- 9 - 2020

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- *T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Hoàng Minh Thịnh

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn H

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLPT-DS ngày 16/3/2020 về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 953/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974; Địa chỉ:, tỉnh BR-VT (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thê O, sinh năm 1946; Địa chỉ:, tỉnh BR-VT (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Cung Thị T1, sinh năm 1941. (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T1:* Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977, Cùng địa chỉ: thành phố VT, tỉnh BR -VT (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1951; Địa chỉ: tỉnh BR -VT (có mặt).

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số 101 Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì, thành phố VT, tỉnh BR -VT (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977, (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975; Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1999; (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1962; (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963; (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số thành phố VT, tỉnh BR -VT.

9. Bà Cao Thị C, sinh năm 1948; (vắng mặt)

10. Anh Hồ Minh N1, sinh năm 1999; (vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984; (vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị O sinh năm 1985; (vắng mặt)

13. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; (vắng mặt)

14. Bà Ngô Thu H; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ:, tỉnh BR-VT.

15. Ông Ngô Vương T, sinh năm 1965; Địa chỉ: tỉnh BR-VT (vắng mặt).

16. Ủy ban Nhân dân thành phố VT, tỉnh BR-VT (vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Lập – Chủ tịch (vắng mặt).

*- Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T; Bị đơn bà Cung Thị T1, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Anh N, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị T3.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### ***Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:***

Về gia tộc: Ông Nguyễn Văn Anh mất năm 2008, hàng thừa kế của ông Anh gồm cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn Tất và bà Nguyễn Thị Khét đều chết trước năm 2000. Vợ bà Phan Thị Tiếp mất năm 1996, bà Nguyễn Thị N1 mất năm 2005. Các con gồm: Ông Nguyễn Đức H là con đẻ, ông Nguyễn Trọng T là con nuôi, ông Nguyễn Anh N là con nuôi. Ngoài ra không còn người con riêng, con nuôi nào khác.

Về di sản: Sinh thời ông Nguyễn Văn Anh tạo lập được khối di sản gồm 03 căn nhà sau: căn nhà số 33 (cũ 16/9A) Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, thành phố VT; căn nhà 97 (số cũ 3/56) đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ phường 6); căn nhà 101 (cũ 3/58) đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ phường 6), thành phố VT, tỉnh BR – VT. Ông không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 căn nhà trên ai đang giữ, cũng không biết hiện trạng các căn nhà trên có cầm cố, thế chấp hay sang nhượng. Ông cũng không biết trước khi chết ông Anh có nợ hay không. Ông được ông Nguyễn Văn Anh nhận nuôi và làm giấy tờ tại UBND xã Phát Triển Bình Phước, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa ngày 12/3/1974 khi mới sinh.

Nay, Ông yêu cầu chia tài sản của ông Nguyễn Văn Anh là 3 căn nhà trên cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Ngày 11/10/2019 (sau khi hoãn phiên tòa) Ông rút yêu cầu chia căn nhà 33 (cũ 16/9A) Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, TP VT, tỉnh BR – VT.

***Bị đơn, ông Nguyễn Đức H trình bày:*** Ông là con đẻ của ông Nguyễn Văn Anh (mất 2008) và bà Nguyễn Thị N1 (mất năm 2005). Hàng thừa kế của ông Anh là: cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn Tất và bà Nguyễn Thị Khét đều chết trước năm 2000. Vợ bà Phan Thị Tiếp mất năm 1996, bà Nguyễn Thị N1 mất năm 2005. Con ruột chỉ có Ông ngoài ra ông Anh không có con riêng, con nuôi thì có ông Ngô Vương T.

Di sản bố Ông để lại chỉ có 2 căn nhà tại số 97 và 101 đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì, TP VT, tỉnh BR – VT, Ông đồng ý chia. Còn căn nhà 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, TP VT thì là tài sản riêng của Ông nên không đồng ý chia. Khi bố Ông mất còn nợ ngân hàng và Ông đã bỏ tiền riêng để chuộc lại căn nhà này. Khi bà Tiếp mất thì con riêng của bà Tiếp đã từ chối thừa kế. Nay, Ông yêu cầu được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông T vì ông T là cháu giả mạo giấy tờ con

nuôi. Còn đối với hai căn nhà tại số 97 và 101 đường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì, TP VT, tỉnh BR – VT nếu thỏa thuận Ông đề nghị ông T2 bà T1 trả cho Ông 1.347.234.308 đồng thì không tranh chấp hai căn nhà trên. Ông T2 bà T1 không đồng ý thì Ông yêu cầu chia theo pháp luật.

**Bị đơn bà Cung Thị T1 trình bày:** Bà là em dâu ông Nguyễn Văn Anh, chồng bà ông Nguyễn Văn Liễn (chết 2001) là em nuôi của mẹ ông Anh cùng gia đình các con gồm: con Nguyễn Xuân Trường và vợ Nguyễn Thị Dung, con Nguyễn Thị H1 và chồng Nguyễn Văn P, con Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị T3 cùng sinh sống và làm xăng dầu với ông Nguyễn Văn Anh nhưng không được trả lương mà ông Anh nói sau này là “ai ở đâu thì ở đó”, anh H ở nhà 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, mẹ con Bà ở căn 97, 101 Nguyễn An Ninh. Ông Nguyễn Trọng T không phải là con nuôi của ông Anh mà là cháu ruột con em ruột ông Anh. Bà Tiếp khi ở với ông Anh đã có 3 con riêng là Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Văn Tài và Nguyễn Thị Phụng, kinh tế khó khăn thì bà Tiếp nuôi con mình chưa xong lấy gì nuôi con nuôi. Ngày 19/9/1998, ông Anh nhận nuôi Nguyễn Anh N là con của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn P, có giấy tờ, làm giấy khai sinh cha là ông Anh mẹ là Bà. Khi ông Anh ở đây, bị bệnh và chết không thấy có ai đến thăm nom chăm sóc chỉ có mẹ con Bà .

Hai căn nhà 97 (cũ 3/56), 101(cũ 3/58) Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ Phường 6), TP VT là do ông Anh và bà Phan Thị Tiếp mua và đứng tên. Khi bà Tiếp chết ông Anh đứng tên. Căn nhà 97 là mảnh đất, sau khi ông Anh chết năm 2004 ông Nguyễn Văn T2 xây móng bao quanh rồi mua thêm một phần đất cạnh bên của ông Mai, năm 2009 ông T2 xây nhà cấp 4. Chi phí xây nhà do ông T2 bỏ ra. Hiện hai căn nhà trên do ông Anh đứng tên, ông Anh chết không để lại di chúc. Bà không có yêu cầu gì đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Ông T2 là con bà T1, ông Nguyễn Văn Anh là bác ruột. Năm 1990 ông Anh gọi cả gia đình Ông vào sinh sống và cùng làm xăng dầu và chăm sóc ông Anh đến khi chết. Hai căn nhà 97 (cũ 3/56), 101(cũ 3/58) Nguyễn An Ninh trước đây là hai căn nhà tập thể. Sau khi ông Anh mất hai căn nhà xuống cấp nên năm 2009 Ông đã sửa lại cây xăng và sửa nhà khoảng 1,5 tỷ đồng. Hiện Ông không còn giữ chứng cứ việc sửa nhà. Căn nhà 97 thì khoảng năm 1997 vợ chồng Ông có mua thêm khoảng 24m<sup>2</sup> của ông Lê Mai nhà bên cạnh bằng giấy tay với giá 240 triệu đồng. Đến năm 2009 thì xây lại toàn căn nhà như hiện nay, căn nhà một phần nằm trong diện

tích đất của ông Anh và một phần nằm trong diện tích đất Ông mua phía sau. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ai hưởng di sản phải trả cho vợ chồng Ông 4 tỷ đồng chi phí xây nhà, sửa nhà và chi phí chăm sóc chữa bệnh mai táng cho ông Anh. Ông đề nghị thực hiện theo lời nói của ông Anh khi còn sống là “ai ở đâu thì ở đó”, anh H ở nhà 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Còn gia đình Ông cùng mẹ Ông và cháu N thì ở nhà 97, 101 Nguyễn An Ninh.

Bà T3 là vợ ông T2 đồng ý với trình bày của ông T2 và không có ý kiến gì thêm.

2. Ông Ngô Vương T trình bày: Thực tế Ông và ông Anh là quan hệ cha con nuôi. Việc nhận con nuôi do gia đình tự ý thỏa thuận, không có hồ sơ pháp lý. Sau khi ông Anh mất Ông không tranh chấp thừa kế tài sản. Nay, ông T tranh chấp thì Ông từ chối quyền nhận di sản của ông Anh để lại. Do bản việc Ông xin tòa giải quyết vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Anh N sinh sống cùng nhà với bà T1 không tham gia tố tụng nên Tòa không ghi được ý kiến.

4. Bà Cao Thị C, anh Hồ Minh N1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị B, bà Ngô Thu H không tham gia tố tụng nên Tòa không ghi được ý kiến.

5. Đại diện hợp pháp của Ủy ban Nhân dân thành phố VT trình bày: Về việc Ủy ban Nhân dân thành phố VT giải quyết hồ sơ thừa kế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Đức H tại Phường 3, TP VT:

Ngày 27/7/2010, Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố VT tiếp nhận hồ sơ thừa kế nhà đất của ông Nguyễn Đức H đối với nhà đất thuộc thửa số 517 ( mới 160), tờ bản đồ 03 ( mới 20), diện tích 64m<sup>2</sup> đất ở nhà cấp 2, cột sàn BTCT, mái tôn, 3 tầng, diện tích sử dụng 195m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 16/9A ( mới 33) đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, TP VT. Thẩm tra hồ sơ nhận thấy:

- Tại văn bản khai nhận thừa kế, ông Nguyễn Đức H khai nhận di sản là nhà, đất nêu trên do ông Nguyễn Văn Anh, bà Nguyễn Thị N1 để lại. Và khai nhận ông H là con duy nhất và là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Anh, bà N1.

- Thông báo nộp lệ phí trước bạ và nhà đất và thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số 6868 ngày 26/7/2010 của Chi cục Thuế thể hiện trường hợp này không phải nộp lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân.

-T phần hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; nhà và đất đủ điều kiện giải quyết thủ tục thừa kế theo quy định tại Điều 91 Luật Nhà ở năm 2005, Điều 106 Luật đất đai năm 2003.

Do đó căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 31/7/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố VT đã đăng ký biến động vào sổ địa chính và chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT.

Trên cơ sở tờ trình số 9796/TTr-TNMT ngày 13/8/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 16/8/2010 Ủy ban Nhân dân thành phố VT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 570932 cho ông Nguyễn Đức H.

Như vậy, các cơ quan chức năng của thành phố VT và Ủy ban Nhân dân thành phố VT đã giải quyết hồ sơ thừa kế của ông Nguyễn Đức H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên.

Do đó, không cơ sở để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 570932 do Ủy ban Nhân dân thành phố VT cấp ngày 16/8/2010 cho ông Nguyễn Đức H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT đã quyết định:*

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T đối với ông Nguyễn Đức H về việc chia căn nhà số 33 (số cũ 16/9A) Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

2. C nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T đối với bà Cung Thị T1 về việc chia di sản thừa kế căn nhà số 97 (cũ 3/56), 101 (số cũ 3/58) Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ phường 6), thành phố VT, tỉnh BR – VT.

- Ông Nguyễn Anh N được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 97 (cũ 3/56) Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ phường 6), thành phố VT, tỉnh BR – VT (nhà đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh BR – VT cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201060881 ngày 30/10/2002).

- Ông Nguyễn Đức H được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng nhà đất 101 (cũ 3/58), Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhì (cũ phường 6), thành phố VT, tỉnh BR – VT (nhà đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh BR – VT cấp giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201060882 ngày 30/10/2002).

- Ông Nguyễn Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T 1.987.433.000 ( *một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn*) đồng.

- Ông Nguyễn Anh N có nghĩa vụ trả cho bà Cung Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 1.987.433.000 ( *một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn*) đồng.

- Ông Nguyễn Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức H 768.661.000 ( *bảy trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn*) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đức H không có kháng cáo. Ngày 11/12/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án Nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xem xét lại giấy khai sinh của ông Nguyễn Đức H, làm rõ ông H có phải là con ruột của ông Anh hay không, xem xét lại việc nhận con nuôi ông Nguyễn Anh N có đúng pháp luật không. Đề nghị đưa căn nhà số 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa là di sản thừa kế của ông Anh để lại, để chia theo pháp luật. Không đồng ý chia cho bà T1 một suất thừa kế, không đồng ý chia cho ông H hai suất thừa kế. Ngày 19/12/2019 bị đơn bà Cung Thị T1 có đơn kháng cáo; ngày 18 và 19/12/2019 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Anh N, Nguyễn Thị T3 và Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo cùng với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, yêu cầu chia lại tài sản bên ông Nguyễn Đức H vì ông H được chia quá nhiều, đề nghị trưng cầu giám định giấy nhận con nuôi và giấy khai sinh của ông Nguyễn Trọng T.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Cung Thị T1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và qua thẩm vấn tại phiên tòa thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng hàng thừa kế, xác định đúng các di sản thừa kế của ông Anh để lại và chia các kỷ phần thừa kế cho các đương sự là đúng, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh N, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của các đương sự được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Cung Thị T1 đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T2 thay mặt tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 85, 86, 294 và khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ngày 13/8/2014 ông Nguyễn Trọng T có đơn khởi kiện đối với bà Cung Thị T1 và ông Nguyễn Đức H. Ngày 08/10/2014 Tòa án Nhân dân thành phố VT có thông báo về việc thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án Nhân dân thành phố VT không tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Anh N cũng như không tiến hành triệu tập đối với anh Nguyễn Anh N để yêu cầu anh Nguyễn Anh N viết bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh N là thiếu sót. Đến ngày 01/12/2016 Tòa án thành phố VT ban hành quyết định số 45/2016/QĐST-CVA chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 17/01/2017 Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT có thông báo thụ lý vụ án số 07/TB-TLVA, sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT cũng không tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh N là vi phạm Điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N.



[4] Quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Trọng T, bà Cung Thị T1 xác định ông Nguyễn Văn Anh có hai người vợ, cụ thể: Ông Nguyễn Văn Anh lấy bà Nguyễn Thị N1 vào năm 1942 -1943 đến năm 1954 thì ông Anh di cư vào Nam và đến năm 1960 thì ông Anh lấy bà Phan Thị Tiếp. Ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Trọng T cho rằng ông Nguyễn Đức H là con ruột của ông Nguyễn Văn Anh và bà Nguyễn Thị N1, tuy nhiên ông H và ông T không cung cấp được giấy khai sinh của ông H mà trong hồ sơ chỉ thể hiện có tờ giấy đăng ký lại việc sinh của ông Nguyễn Đức H do ông H đi kê khai vào ngày 12/8/2008 (Sau ngày ông Nguyễn Văn Anh chết 01/8/2008) đồng thời trong tờ khai này thể hiện cha ông H tên là Nguyễn Văn Cửu (thường gọi Nguyễn Văn Anh), tờ khai có xác nhận của Ủy ban Nhân dân xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, Hà Tây (Hà Nội) ngày 18/8/2008. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ căn cứ vào chứng cứ nào mà Ủy ban Nhân dân xã Hồng Phong xác nhận đồng ý cho ông H đăng ký lại việc sinh thể hiện ông H là con của ông Nguyễn Văn Cửu (tức Nguyễn Văn Anh), đồng thời cũng chưa làm rõ ông Nguyễn Văn Cửu và Nguyễn Văn Anh có phải là một người không, có phải là cha ruột của ông H hay không vì theo tờ khai quan hệ thân thân của ông Nguyễn Văn Anh thì ông khai là không có con. Theo lời khai của ông T cho rằng ông Anh khai không có con là để làm thủ tục vay tiền ngân hàng, tuy nhiên vấn đề này cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[5] Đối với việc nhận nuôi con nuôi là anh Nguyễn Anh N thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà Cung Thị T1 khai nhận anh Nguyễn Anh N là con ruột của Nguyễn Thị Kim H1 và Nguyễn Văn P (Nguyễn Thị Kim H1 là con gái ruột của bà T1, còn Nguyễn Văn P là chồng của Nguyễn Thị Kim H1). Bà T1 có cung cấp một giấy giao nhận con nuôi thể hiện anh Nguyễn Anh N, sinh ngày 01/01/1998 là con đẻ của Nguyễn Thị Kim H1 do không có khả năng nuôi dưỡng nên giao cho ông Nguyễn Văn Anh nhận nuôi dưỡng làm con nuôi, Ủy ban Nhân dân Phường 3, thành phố VT công nhận ngày 19/9/1998, giấy khai sinh của Nguyễn Anh N thể hiện cha là Nguyễn Văn Anh, mẹ là Cung Thị T1, do ông Nguyễn Văn Anh khai, đăng ký ngày 10/12/1998, thể hiện nơi sinh là trạm y tế Phường 3, thành phố VT. Căn cứ vào Điều 36 Luật Hôn nhân Gia đình năm 1986 thì việc nhận con nuôi phải được sự thỏa thuận của hai vợ chồng người nuôi, của cha mẹ đẻ hoặc người đỡ đầu của người con nuôi chưa thành niên và Điều 37 quy định việc nhận nuôi con nuôi do Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người nuôi hoặc con nuôi công nhận và ghi vào sổ hộ tịch. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ lý do vì sao cha đẻ của anh N là ông Nguyễn Văn P có đồng ý cho anh Nguyễn Anh N

làm con nuôi hay không? Ông Nguyễn Văn Anh lúc đó có vợ là bà Phan Thị Tiếp có cùng ông Nguyễn Văn Anh nhận anh N làm con nuôi không? đồng thời cũng chưa làm rõ vì sao ông Anh và bà T1 lại khai sinh anh N là con nuôi của ông Anh và bà T1 trong khi bà T1 là bà ngoại của anh N. Mặt khác, tại công văn số 190/UBND -TP ngày 16/6/2015 của Ủy ban Nhân dân Phường 3, thành phố VT xác định qua tra sổ bộ đăng ký nhận con nuôi năm 1998 lưu trữ tại Phường 3 thành phố VT thì không có tên cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 01/01/1998. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Anh N là con nuôi của ông Nguyễn Văn Anh là chưa đủ cơ sở.

[6] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Nhân dân thành phố VT thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T2 và bà T1 đều xác định: hai căn nhà tại số cũ 3/56 và 3/58 Nguyễn An Ninh trước đây là hai nhà tập thể, số mới là 97 và 101 Nguyễn An Ninh. Vào năm 1997 thì anh T2 có mua thêm một diện tích đất 24m<sup>2</sup> bằng giấy tay của ông Lê Mai là hàng xóm giáp ranh với căn nhà số 97, mua với giá 240.000.000 đồng và nhập vào diện tích đất của nhà số 97. Năm 2009 thì anh T2 xây dựng lại căn nhà hoàn toàn mới. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ là lời khai của ông Lê Mai để xác định có việc anh T2 mua của ông Mai diện tích đất 24m<sup>2</sup> hay không.

[7] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T, bà Cung Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3 và anh Nguyễn Anh N, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm : Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

C nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T, bà Cung Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3 và anh Nguyễn Anh N.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án Nhân dân tỉnh BR - VT. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR – VT hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3 và anh Nguyễn Anh N mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 3332 ngày 10/12/2019, 3349 ngày 30/12/2019, 3350 ngày 30/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BR – VT.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR - VT;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh BR - VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Hoàng Minh Thịnh**